

KẾT QUẢ TRUNG TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI NĂM 2025

(Đính kèm Thông báo số 02/TB-HĐTD của Hội đồng tuyển dụng Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai ngày 31 tháng 12 năm 2025)

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Điểm TB	Kết quả
			Nam	Nữ			
BÁC SĨ							
1	BS01	Châu Tuấn Anh	02/09/1998		Nghệ An	84.29	Đạt
2	BS02	Phạm Văn Bách	09/01/2000		Thanh Hóa	93.57	Đạt
3	BS03	Phạm Đăng Nhất Bảo	09/06/1998		TPHCM	96.00	Đạt
4	BS04	Nguyễn Phúc Thiên Bảo	16/06/1998		Nam Định	96.71	Đạt
5	BS05	Nguyễn An Bình	29/06/2000		Quảng Ngãi	76.57	Đạt
6	BS06	Trần Hoàng Lan Chi		21/06/1999	Đồng Nai	93.43	Đạt
7	BS07	Phạm Thị Chinh		16/11/1999	Thanh Hóa	87.43	Đạt
8	BS08	Nguyễn Thị Hồng Đào		23/05/2000	TT Huế	90.57	Đạt
9	BS09	Nguyễn Tiến Đạt	27/03/1998		Lạng Sơn	87.71	Đạt
10	BS10	Lê Nguyễn Lam Điền		22/02/2000	Đồng Nai	91.14	Đạt
11	BS11	Lý Bích Khánh Duy	03/11/1999		Bình Thuận	97.43	Đạt
12	BS12	Lương Quang Duy	31/10/1995		Đồng Nai	83.71	Đạt
13	BS13	Nguyễn Trường Giang	25/03/1999		Quảng Bình	85.43	Đạt
14	BS14	Nguyễn Thị Giang		05/11/1999	Nghệ An	97.29	Đạt
15	BS15	Phạm Thanh Hà	10/03/2000		Hải Dương	70.71	Đạt
16	BS17	Trần Hồng Hạnh		14/09/2000	Đồng Nai	92.00	Đạt
17	BS18	Nguyễn Trung Hiếu	23/06/1999		Phú Thọ	91.71	Đạt
18	BS19	Nguyễn Xuân Hiếu	15/05/1999		Quảng Ninh	94.00	Đạt
19	BS20	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa		02/02/2000	Hải Phòng	82.00	Đạt
20	BS21	Đặng Phúc Huân	06/11/1992		Hưng Yên	74.57	Đạt
21	BS22	Ma Thị Huệ		22/12/1998	Bắc Cạn	90.14	Đạt

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Điểm TB	Kết quả
			Nam	Nữ			
22	BS23	Đoạn Thị Thiên Hương		04/02/2000	Quảng Trị	89.00	Đạt
23	BS24	Nguyễn Gia Huy	23/06/1999		Bình Định	95.71	Đạt
24	BS25	Lê Văn Huy	11/04/1997		Thanh Hóa	81.57	Đạt
25	BS26	Trần Thị Phương Linh		07/04/1999	Nghệ An	93.86	Đạt
26	BS27	Đỗ Phương Linh		24/07/1999	Hưng Yên	90.86	Đạt
27	BS28	Trần Thị Hoài Linh		15/02/1999	Nghệ An	93.57	Đạt
28	BS29	Nguyễn Thị Mai Loan		11/08/1999	Quảng Ngãi	96.29	Đạt
29	BS31	Nguyễn Văn Lực	01/01/1999		Bình Thuận	87.86	Đạt
30	BS32	Nguyễn Hoàng Gia Minh	10/01/1999		Hà Nội	94.43	Đạt
31	BS33	Phạm Thùy Nga		23/10/2000	Quảng Ngãi	91.43	Đạt
32	BS34	Trần Văn Nhân	04/09/1999		Bến Tre	94.57	Đạt
33	BS35	Nguyễn Dũng Nhân	03/04/1999		Nghệ An	95.14	Đạt
34	BS36	Nguyễn Huỳnh Nhân	19/02/1998		Đồng Nai	93.29	Đạt
35	BS37	Nguyễn Minh Hoàng Nhật	29/07/1999		Hưng Yên	91.86	Đạt
36	BS38	Nguyễn Thị Hồng Nhung		05/08/1997	Nghệ An	93.86	Đạt
37	BS39	Hoàng Thị Thu Nhung		27/07/2001	Cao Bằng	91.00	Đạt
38	BS40	Hà Đình Vạn Phát	29/04/1993		Bình Định	95.14	Đạt
39	BS43	Lý Văn Quốc	15/12/1993		Quảng Trị	95.00	Đạt
40	BS44	Nguyễn Lê Kim Quyên		17/11/1996	Bình Định	91.00	Đạt
41	BS45	Đặng Hoàng Quyền	24/12/1998		Thanh Hóa	94.00	Đạt
42	BS46	Hoàng Lê Minh Tâm		16/08/1998	Đồng Nai	92.00	Đạt
43	BS47	Nguyễn Hoàng Công Tạng	03/10/1999		Quảng Ngãi	91.00	Đạt
44	BS49	Phạm Thị Hoài Thu		23/05/2000	TT Huế	94.14	Đạt

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Điểm TB	Kết quả
			Nam	Nữ			
45	BS50	Nguyễn Thị Thúy		07/07/2000	Thái Bình	94.57	Đạt
46	BS51	Trần Phạm Minh Tiến	22/10/2000		Đồng Nai	95.71	Đạt
47	BS52	Lê Bảo Trâm		04/01/1996	Tiền Giang	91.71	Đạt
48	BS53	Trần Thị Ngọc Trân		24/8/2000	Bình Định	95.00	Đạt
49	BS54	Lê Thị Huyền Trang		28/02/2001	Hà Tĩnh	89.00	Đạt
50	BS55	Mai Thị Thanh Trúc		17/12/1993	Đồng Nai	90.57	Đạt
51	BS56	Trần Minh Trung	04/05/1996		Đồng Nai	90.29	Đạt
52	BS58	Ngô Đức Yên	26/03/1992		Hà Tĩnh	90.86	Đạt
53	BS59	Nguyễn Thị Yên		22/12/2000	Nghệ An	87.14	Đạt

DƯỢC SĨ

1	CND01	Phan Thị Thu Phước		19/12/1999	Bình Định	87.29	Đạt
2	CND02	Nguyễn Xuân Sơn	13/05/1998		Đồng Nai	87.43	Đạt

DƯỢC SĨ CAO ĐẲNG

1	CĐD01	Mai Thế Hiển	20/09/2002		Thái Bình	79.57	Đạt
2	CĐD02	Hồ Thị Thu	02/05/1999		Hà Tĩnh	85.71	Đạt

KỸ THUẬT Y

GÂY MÊ HỒI SỨC

1	KTVGMHS01	Phạm Thị Việt Mỹ		19/06/2001	Bình Dương	82.29	Đạt
2	KTVGMHS02	Nguyễn Thị Phương Thảo		04/09/2002	Quảng Nam	71.57	Đạt
3	KTVGMHS03	Nguyễn Duy Thức	06/03/2002		Bình Định	63.86	Đạt
4	KTVGMHS04	Nguyễn Thị Phương Uyên		17/06/2002	Hải Dương	81.14	Đạt

XÉT NGHIỆM Y HỌC

1	KTV02	Nguyễn Thị Kim Thanh		30/08/2001	Bình Định	85.86	Đạt
---	-------	----------------------	--	------------	-----------	-------	-----

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Điểm TB	Kết quả
			Nam	Nữ			
2	KTV03	Nguyễn Thị Anh Thư		01/06/2002	Quảng Trị	82.14	Đạt
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH							
1	KTVCDHA01	Phạm Tấn Lực	28/02/1993		Đồng Nai	80.43	Đạt
CAO ĐẲNG KỸ THUẬT Y							
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH							
1	CĐCDHA02	Lê Văn Thắng	01/06/2001		Thanh Hóa	84.00	Đạt
2	CĐCDHA03	Trần Đình Anh Khoa	30/09/2001		Hà Tĩnh	76.00	Đạt
VẬT LÝ TRỊ LIỆU							
1	CĐVLTL01	Bùi Thị Diệu Linh		10/08/2003	Hưng Yên	56.29	Đạt
CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG							
1	ĐD01	Hoàng Thị Hạnh		09/03/1993	Cao Bằng	91.14	Đạt
2	ĐD02	Vòng Thị Ngọc Hậu		18/01/2000	Quảng Ninh	77.86	Đạt
3	ĐD03	Lê Thị Phương Ngân		01/03/2000	Phú Yên	90.29	Đạt
4	ĐD04	Nguyễn Thị Bích Ngọc		12/07/2001	Nghệ An	65.57	Đạt
5	ĐD05	Phạm Thị Mỹ Ngọc		07/06/2001	Đồng Nai	76.00	Đạt
6	ĐD06	Vũ Thị Quỳnh		17/01/2001	Thái Bình	75.00	Đạt
7	ĐD07	Vy Thị Kim Thương		03/09/1994	Lạng Sơn	78.29	Đạt
8	ĐD08	Hoàng Thị Thu Trang		22/11/2000	Nghệ An	77.86	Đạt
9	ĐD09	Hoàng Thị Thùy Trang		07/11/2001	Quảng Bình	54.14	Đạt
10	ĐD10	Võ Thị Hoài Yên		09/07/2002	Phú Yên	75.57	Đạt
CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG							
1	CĐĐD01	Bùi Thị Luyến Ái		01/07/2003	Bình Định	72.57	Đạt
2	CĐĐD02	Đặng Thị Ngọc Ánh		23/10/2000	Hà Nam	92.00	Đạt

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Điểm TB	Kết quả
			Nam	Nữ			
3	CĐDD03	Trần Thị Bé		15/06/1998	Hà Tĩnh	77.14	Đạt
4	CĐDD04	Trịnh Thị Bình		27/08/1994	Thanh Hóa	71.43	Đạt
5	CĐDD05	Đoàn Ánh Dương	12/10/1996		Hải Phòng	77.29	Đạt
6	CĐDD06	Trần Võ Kim Khánh		23/03/2003	Quảng Ngãi	81.71	Đạt
7	CĐDD07	Phan Thị Ngọc Lan		08/12/2002	Thái Bình	58.14	Đạt
8	CĐDD08	Phạm Thị Ngọc Mai		03/12/2003	TP.HCM	86.43	Đạt
9	CĐDD09	Lê Thị Tuyết Nga		07/11/2003	Quảng Nam	74.57	Đạt
10	CĐDD10	Vũ Ngọc Yến Nhi		17/11/2003	Nam Định	74.00	Đạt
11	CĐDD11	Trần Thị Huỳnh Như		11/12/2002	Bình Định	86.86	Đạt
12	CĐDD12	Cao Thị Hồng Phi		10/02/1990	Bình Định	83.86	Đạt
13	CĐDD13	Phan Ánh Phụng		05/10/2000	Nghệ An	83.00	Đạt
14	CĐDD14	Đổng Thị Thu Quý		21/09/2002	Đồng Nai	86.57	Đạt
15	CĐDD15	Nguyễn Ngọc Thảo		15/01/1999	Đồng Nai	78.14	Đạt
16	CĐDD16	Trần Hoàng Thor		06/12/2001	Hà Tĩnh	80.14	Đạt
17	CĐDD17	Nguyễn Thị Anh Thư		17/03/2003	Đồng Nai	85.71	Đạt
18	CĐDD18	Phan Vũ Minh Tính	27/03/2003		Đồng Nai	72.43	Đạt
19	CĐDD19	Phạm Nguyễn Phương Trang		21/08/2000	Ninh Bình	93.29	Đạt
20	CĐDD20	Lê Cao Trọng	20/12/1992		Thanh Hóa	68.57	Đạt
21	CĐDD21	Trần Thị Ngọc Tuyền		15/10/2003	TT Huế	80.71	Đạt
22	CĐDD22	Nguyễn Thị Thu Vy		04/09/2000	Quảng Trị	80.29	Đạt
23	CĐDD23	Võ Thị Thu Yến		17/01/2000	Gia Lai	80.57	Đạt
CAO ĐẲNG HỘ SINH							
1	CĐHS01	Hoàng Thùy Lan Trinh		09/04/1999	Nam Định	96.29	Đạt

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh		Quê quán	Điểm TB	Kết quả
			Nam	Nữ			
CỬ NHÂN KẾ TOÁN							
1	CNKT01	Đàm Thị Kim Chi		21/06/2002	Thái Bình	93.86	Đạt
2	CNKT02	Võ Thị Diễm		04/05/1984	Khánh Hòa	93.14	Đạt
3	CNKT03	Đào Duy Sơn	25/03/1991		Thanh Hóa	58.43	Đạt
4	CNKT04	Bùi Thị Yến		30/06/1994	Ninh Bình	94.00	Đạt
CAO ĐẲNG KẾ TOÁN							
1	CĐKT02	Tạ Nguyễn Băng Thảo		04/01/1988	Đồng Nai	78.00	Đạt
CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH							
1	QTKD01	Trịnh Ngọc Linh Thảo		26/03/1988	TP.HCM	90.86	Đạt
2	QTKD02	Trần Thị Tú Trinh		13/04/1987	TT Huế	86.00	Đạt
CỬ NHÂN LUẬT							
1	CNL01	Nguyễn Thị Thu Hường		10/11/2000	Hải Phòng	87.57	Đạt
KỸ SƯ SINH DƯỠNG							
1	KSDD01	Bùi Thị Hương Giang		28/06/1985	Quảng Trị	88.57	Đạt